

Số: 188/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 7
năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 470/2026/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2026, về “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con” của:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân:

- Ông Đoàn Châu T, sinh năm 1994;

Hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã U, tỉnh An Giang

Chỗ ở hiện nay: Tổ B, khu phố P, phường P, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Căn cước công dân/ số định danh cá nhân: 091094004558

- Bà Cao Thị Lâm N, sinh năm 2003

Hộ khẩu thường trú: Xóm D, xã A, tỉnh Nghệ An.

Căn cước công dân/ số định danh cá nhân: 040303008898

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị Lâm N và ông Đoàn Châu T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang (nay là xã U, tỉnh An Giang) vào ngày 10/5/2024, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ việc, các đương sự đều xác nhận trong thời gian chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, đến nay do mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và các đương sự thống nhất ly hôn. Do đó căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, ghi nhận việc bà N, ông T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Cao Thị Lâm N và ông Đoàn Châu T có một con chung là cháu Đoàn Tấn T1, sinh ngày 09/07/2024. Khi ly hôn, bà Cao Thị Lâm N và ông Đoàn Châu T thỏa thuận giao con Đoàn Tấn T1 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông Đoàn Châu T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng kể từ tháng 7/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Bà Cao Thị Lâm N và ông Đoàn Châu T không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Cao Thị Lâm N và ông Đoàn Châu T không yêu cầu giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà Cao Thị Lâm N và ông Đoàn Châu T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị Lâm N và ông Đoàn Châu T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Cao Thị Lâm N và ông Đoàn Châu T có một con chung là cháu Đoàn Tấn T1, sinh ngày 09/07/2024. Khi ly hôn, giao con Đoàn Tấn T1 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ông Đoàn Châu T được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Cao Thị Lâm N và ông Đoàn Châu T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn

đồng) theo Biên lai thu số 0039907, ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Như vậy, bà N và ông T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND KV12-TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã U Minh Thượng, tỉnh An Giang;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hoàng Bảo Ngọc